

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: **52/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 20/6/2024
V/v “ Xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Trọng Vũ
2. Bà Phạm Thu Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Phan Thanh Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 561/2023/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1992;

Địa chỉ: 1, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre

- Bị đơn: Anh Lưu Nhật T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số E, ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Chị X có yêu cầu vắng mặt, anh Thanh vắng m không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Chị và anh Lưu Nhật T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2019 . Sau khi cưới anh, chị chung sống có hạnh phúc, nhưng cho đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng thường xuyên cự cãi, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, nên chị và anh T đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay chị nhận thấy hạnh phúc và tình thương giữa chị và anh T không còn, nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Lưu Nhật T.

Về con chung: Có 01 con chung là Lưu Thanh M, sinh ngày 08/8/2019 hiện cháu M đang sống chung với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, trước đây tôi có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng, Tòa án có yêu cầu tôi cung cấp mức thu nhập của anh T nhưng tôi không thể cung cấp được nên tôi thay đổi yêu cầu là mỗi tháng anh T cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Anh Lưu Nhật T trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh T.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng Điều 28, 35, 39 BLTTDS; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Lưu Nhật T.

Về con chung: Giao con chung là Lưu Thanh M cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Hàng tháng anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị X là 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị X có đơn yêu cầu xin được ly hôn với anh T. Bị đơn anh T hiện đang cư trú tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre và có nơi làm việc tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 BLTTDS nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị Nguyễn Thị X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Lưu Nhật T được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh T chung sống với nhau vào năm 2019 trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre là phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị X và anh T lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân theo chị X trình bày là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường hay cự cãi, không có khả năng hàn gắn nên vào đầu năm 2023 chị X đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre sống từ đó cho đến ngày hôm nay. Nay chị X nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Tòa án tiến hành xác minh bà Lê Thị Cẩm N (Bà N là mẹ ruột của anh T) bà N có lời trình bày: T và X làm ở khu công nghiệp X, huyện C, tỉnh Bến Tre có quen biết với nhau và chung sống với nhau Xuyên có thai, nên gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới. Sau khi T và X thành vợ chồng hai đứa sống chung với gia đình bà, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do X dẫn con đi chơi ở khu công nghiệp xã G bỏ con đi chơi một mình trong công viên, nên con của X về nhà kể lại cho cha mình là T nghe, trong lúc có rượu trong người nên T có đánh X, cũng từ đó X đã dọn quần áo bỏ nhà ra đi về cha mẹ ruột sống từ đầu năm 2023 cho đến ngày hôm nay.

Việc X và T có chung sống trở lại hay ly hôn tùy hai con quyết định bà không có ý kiến.

- Chị Nguyễn Thị D (chị D là chị ruột của chị X) có lời trình bày:

Về hôn nhân giữa X và T hai đứa chung sống với nhau có thai trước khi kết hôn, sau đó gia đình tổ chức đám cưới, cuộc sống vợ chồng giữa X và T hạnh phúc thời gian đầu, nhưng về sau chị nghe X kể lại là T có mối quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài, nhưng vì thương con X vẫn sinh sống bên chồng. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn này là do X dẫn con đi chơi ở khu công nghiệp xã G bỏ con đi chơi một mình trong công viên, nên con của X về nhà kể lại sự việc cho cha mình là T nghe, trong lúc có rượu trong người nên T đánh X, cũng từ đó X đã dọn quần áo bỏ nhà ra đi về cha mẹ ruột sống từ tháng 4/2023 cho đến ngày hôm nay.

Về vấn đề hôn nhân giữa X và T chị D không có ý kiến.

Đối với anh T, sau khi tiếp nhận hồ sơ Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ triệu tập anh T đến làm việc nhưng anh T không đến, vì vậy Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh T, đồng thời cũng không thể tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Việc anh Thanh vắng mặt thể hiện anh T không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị X. Điều đó chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân của chị X với anh T đã có mâu thuẫn trầm trọng, tình thương đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Xét thấy, việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình

[3] Về con chung: Có 01 con chung là Lưu Thanh M, sinh ngày 18/8/2019 Hiện cháu M đang sống với chị X nên giao cháu M cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trước đây chị X có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng, Tòa án có yêu cầu chị X cung cấp mức thu nhập của anh T nhưng chị X không thể cung cấp được nên chị X thay đổi yêu cầu mức cấp

dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng đối với anh T. Xét thấy anh T là lao động phổ thông hàng tháng thu nhập, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu là buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị X mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Chị X và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: Chị X khai không có, nên Tòa án không xét đến.

[7] Về án phí: Chị X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[8] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị X ly hôn với anh Lưu Nhật T.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị X với anh Lưu Nhật T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị X và anh Lưu Nhật T không yêu cầu về cấp dưỡng cho nhau giữa vợ và chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Lưu Thanh M, sinh ngày 08/8/2019 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Hàng tháng anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị X là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị X và anh T hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị X khai không có nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Chị X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Số tiền án phí của chị X được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000859 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị X đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình.

6. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Lưu Nhật T1 phải chịu 300.000 đồng.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Tuấn